

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức chi hỗ trợ dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2018 - 2020 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ BẢY

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Xét Tờ trình số 94/TTr-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức chi hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2018 - 2020 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020; báo cáo thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội của Hội đồng nhân dân; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức chi hỗ trợ dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2018 - 2020 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định việc quản lý và sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp của ngân sách Nhà nước thực hiện chương trình theo Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ”, bao gồm:

- Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển (*tiểu dự án 3, dự án 1*).

- Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo các xã đặc biệt khó khăn, các ấp / khóm đặc biệt khó khăn (*tiểu dự án 2, dự án 2*).

- Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135 (*dự án 3*).

- Nhóm hộ cộng đồng dân cư (*theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 7, Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính*).

2. Đối tượng được hỗ trợ:

Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân, nhóm hộ và cộng đồng dân cư trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, xã đặc biệt khó khăn và ấp đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135. Trong đó, ưu tiên người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, người khuyết tật còn khả năng lao động thuộc hộ nghèo, phụ nữ thuộc hộ nghèo; tạo điều kiện để người sau cai nghiện ma túy, nhiễm HIV / AIDS, phụ nữ bị buôn bán trở về thuộc hộ nghèo tham gia dự án.

3. Thời gian và mức hỗ trợ:

- Thời gian hỗ trợ tối đa không quá 03 năm.

- Mức hỗ trợ dự án: Dự án do Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt, tối đa là 300 triệu đồng / dự án.

- Mức hỗ trợ cho hộ tham gia dự án:

+ Đối với hộ nghèo mức hỗ trợ tối đa là 07 triệu đồng / hộ / dự án.

+ Đối với hộ cận nghèo mức hỗ trợ tối đa là 06 triệu đồng / hộ / dự án.

+ Đối với hộ mới thoát nghèo mức hỗ trợ tối đa là 05 triệu đồng / hộ / dự án.

4. Chi xây dựng và quản lý dự án: Không quá 04% tổng kinh phí thực hiện dự án và không quá 08% mức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước cho dự án.

5. Nguồn kinh phí thực hiện:

- Ngân sách Trung ương (*kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững*).

- Ngân sách địa phương (*theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 2 Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính*).

- Nguồn huy động và đóng góp hợp pháp khác

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu Khóa IX, Kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 23 tháng 7 năm 2018./.

Nơi nhận:

- UBND (báo cáo);
- Chính phủ (báo cáo);
- Bộ Tài chính, Bộ LĐ - TB & XH (báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- TT. HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, LĐ - TB & XH, Tư pháp;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu (NH) *llh*



CHỦ TỊCH *llh*

Lê Thị Ái Nam